

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT

Năm học 2022 - 2023

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2014/TT-BGDĐT ngày 26/5/2014 và Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Quyết định số 816/QĐ- UBND ngày 11/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 các trường trung học phổ thông năm học 2022- 2023 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 6 và lớp 10 năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Công văn số 997/SGDĐT-QLCL-GDTX ngày 13/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2022-2023;

Căn cứ Thông báo số 1008/TB-SGDĐT ngày 18/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng về việc thông báo chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 6 và lớp 10 năm học 2022 – 2023 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Xét đề nghị của các Hội đồng tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT năm học 2022-2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT năm học 2022 - 2023 theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Hiệu trưởng các trường có trách nhiệm thông báo kết quả tuyển sinh và tiếp nhận học sinh trúng tuyển vào nhập học theo đúng quy định.

Điều 3. Trưởng phòng TCHC, Trưởng phòng Quản lý chất lượng – Giáo dục thường xuyên, Trưởng phòng Giáo dục trung học, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Hiệu trưởng các trường có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLCL-GDTX

GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hồng Hải



TỔNG HỢP KẾT QUẢ DUYỆT TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2022 - 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 543 /QĐ-SGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng)

STT	Trường	Chỉ tiêu		Điểm chuẩn NV1			Điểm chuẩn NV2			Số HS tuyển			
		Lớp	HS	Tổng điểm	ĐTB lớp 9	Toán + Văn	Tổng điểm	ĐTB lớp 9	Toán + Văn	Tuyển thẳng	NV1	NV2	Tổng
1	THCS & THPT Lộc Bắc - Bảo Lâm	3	126	24.0	6.4	12.0				12	98		110
2	THPT Bảo Lâm	14	560	26.0	6.2	11.6				7	553		560
3	THPT Lộc An - Bảo Lâm	7	280	30.0	6.7	11.8					280		280
4	THPT Lộc Thành	9	370	28.0	6.4					2	370		372
5	THPT Bảo Lộc	11	440	40.0	8.5	16.1					441		441
6	THPT Lê Thị Pha	6	240	29.0	6.8	11.3	31.0	6.0	9.4		169	71	240
7	THPT Lộc Phát - Bảo Lộc	9	360	34.0	7.1	11.9	35.0	7.9	12.3		255	105	360
8	THPT Lộc Thanh	9	360	32.0	6.2	11.0	34.0	5.9	10.6	1	327	32	360
9	THPT Nguyễn Du - Bảo Lộc	10	440	36.0	8.4	16.7	38.0				361	79	440
10	THPT Nguyễn Tri Phương TP. Bảo Lộc	7	280	34.0	7.0	12.3	36.0	7.2	13.8	3	225	52	280
11	THPT Cát Tiên	5	200	30.0	6.7	11.7					200		200
12	THPT Gia Viễn	4	156	26.0	6.2	10.9				3	153		156
13	THPT Quang Trung - Cát Tiên	4	128	28.0	5.9	10.7					128		128
14	THPT Di Linh	11	480	27.0	6.9	11.2				11	469		480
15	THPT Lê Hồng Phong	10	420	28.0	5.7	10.7				2	418		420
16	THPT Nguyễn Huệ	6	270	25.0	5.5	9.8				11	259		270
17	THPT Nguyễn Viết Xuân	7	300	28.0	6.2	11.2				6	294		300
18	THPT Phan Bội Châu	11	450	28.0	6.8	11.7				22	428		450



Trường	Chỉ tiêu		Điểm chuẩn NV1			Điểm chuẩn NV2			Số HS tuyển			
	Lớp	HS	Tổng điểm	ĐTB lớp 9	Toán + Văn	Tổng điểm	ĐTB lớp 9	Toán + Văn	Tuyển thẳng	NV1	NV2	Tổng
THPT Trường Chinh	6	260	29.0	5.9	10.3				4	256		260
20 THPT Đa Huoai	5	223	28.0	6.4	9.4					223		223
21 THPT Thị trấn Đạm-Ri huyện Đa Huoai	6	240	25.0	6.2	11.3				3	237		240
22 THCS&THPT Chi Lăng - Đà Lạt	7	310	34.0	6.7	10.9	35.0	6.0	12.0	2	148	160	310
23 THCS&THPT Đồng Đa	4	180	32.0	7.6	12.6	34.0	6.5	11.0		131	49	180
24 THCS&THPT Tà Nung - Đà Lạt	2	80	24.0	6.6	11.1				6	74		80
25 THCS&THPT Tây Sơn - Đà Lạt	8	360	30.0	6.7	10.7	32.0	6.9	14.5		260	100	360
26 THCS&THPT Xuân Trường	4	177	23.0	5.1	8.7					173		173
27 THPT Bùi Thị Xuân	15	660	36.0	7.3	14.2				1	659		660
28 THPT Trần Phú	15	660	38.0	8.0	15.4					660		660
29 THPT Đa Têh	8	300	31.0	7.2	12.8				1	299		300
30 THPT Lê Quý Đôn - Đa Têh	5	191	26.0	6.0	9.0				8	183		191
31 THCS&THPT Võ Nguyên Giáp	3	120	26.0	6.1	11.9				15	105		120
32 THPT Đa Tông	6	240	23.0	5.1	9.9				30	210		240
33 THPT Nguyễn Chí Thanh	5	200	28.0	6.7	12.3				12	188		200
34 THPT Phan Đình Phùng - Đam Rông	5	200	25.0	6.1	10.9				9	191		200
35 THPT Đơn Dương	7	300	39.0	8.2	14.9					300		300
36 THPT Hùng Vương - Đơn Dương	8	340	32.0	6.7	12.6	33.0	7.6	14.1	8	307	25	340
37 THPT Lê Lợi - Đơn Dương	6	250	36.0	7.0	14.2	37.0	7.5	14.4	3	167	80	250
38 THPT Pró - Đơn Dương	9	380	29.0	6.8	12.5	31.0	6.3	10.5	21	240	119	380



	Trường	Chỉ tiêu		Điểm chuẩn NV1			Điểm chuẩn NV2			Số HS tuyển			
		Lớp	HS	Tổng điểm	ĐTB lớp 9	Toán + Văn	Tổng điểm	ĐTB lớp 9	Toán + Văn	Tuyển thẳng	NV1	NV2	Tổng
39	THPT Chu Văn An	8	330	33.0	6.7	11.9				3	327		330
40	THPT Đức Trọng	13	530	35.0	7.7	14.8				2	528		530
41	THPT Hoàng Hoa Thám - Đức Trọng	7	260	30.0	5.9	10.3				8	252		260
42	THPT Lương Thế Vinh - Đức Trọng	9	360	32.0	7.0	13.7					360		360
43	THPT Nguyễn Bình Khiêm - Đức Trọng	10	420	29.0	5.6	10.0				19	401		420
44	THPT Nguyễn Thái Bình - Đức Trọng	11	470	32.0	6.4	11.6				4	466		470
45	THCS& THPT Đa Nhím	2	80	24.0	5.4	10.0				6	59		65
46	THCS& THPT Đa Sar	2	80	24.0	6.3	10.6					75		75
47	THPT Lang Biang - Lạc Dương	4	180	27.0	6.1	10.1				4	176		180
48	THPT Huỳnh Thúc Kháng - Lâm Hà	8	360	28.0	6.4	12.1				13	347		360
49	THPT Lâm Hà	10	410	30.0	7.0	11.4				6	404		410
50	THPT Lê Quý Đôn - Lâm Hà	8	320	25.0	5.9	10.5				7	313		320
51	THPT Tân Hà - Lâm Hà	9	380	27.0	6.5	11.2				2	378		380
52	THPT Thăng Long - Lâm Hà	9	415	29.0	6.9	12.7				2	413		415
53	TH. THCS & THPT Quốc Tế Châu Á Thái Bình Dương Bảo Lộc	2	80	28.0	6.7	11.2					80		80
54	PT Hermann Gmeiner - Đà Lạt	6	260	28.0	7.1	11.6					260		260
55	THPT Yersin - Đà Lạt	5	200	26.0	6.0	11.7					200		200

Danh sách này có 55 trường được phê duyệt kết quả tuyển sinh./.